

CTCP Thủy điện Miền Trung (HSX: CHP)

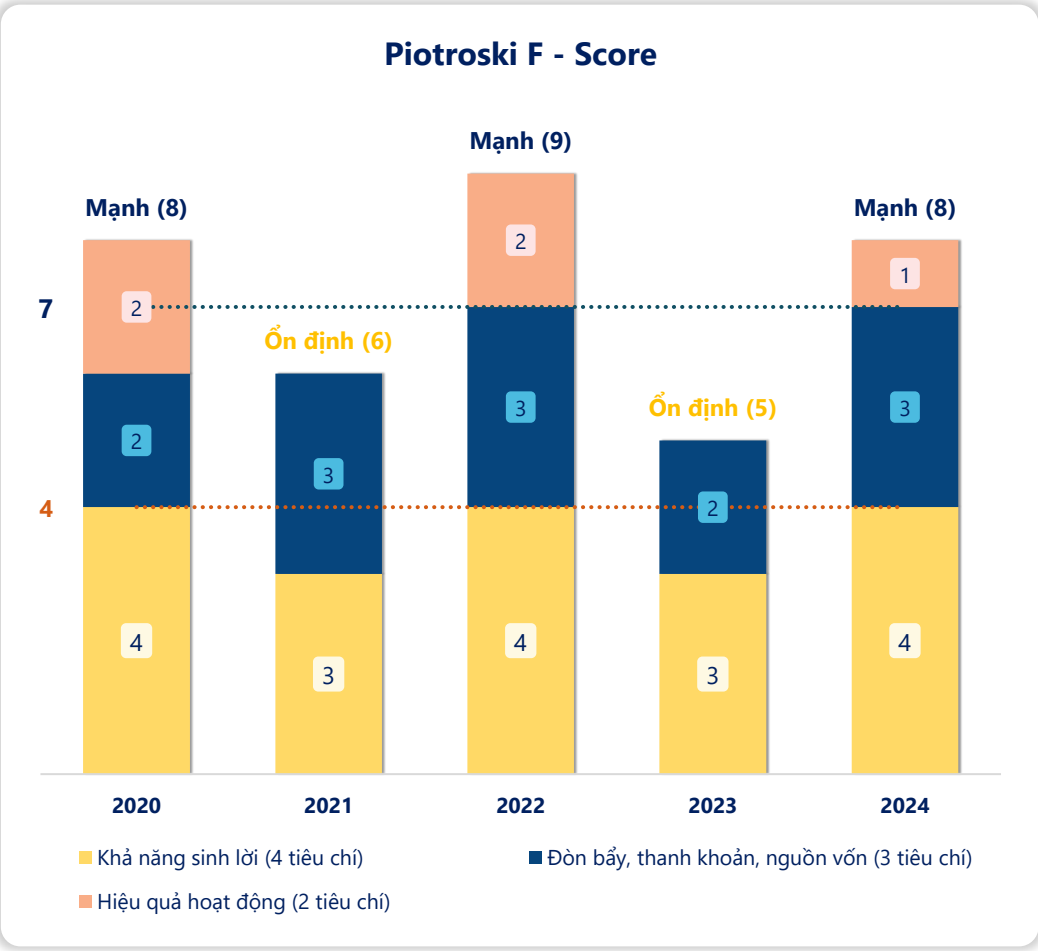
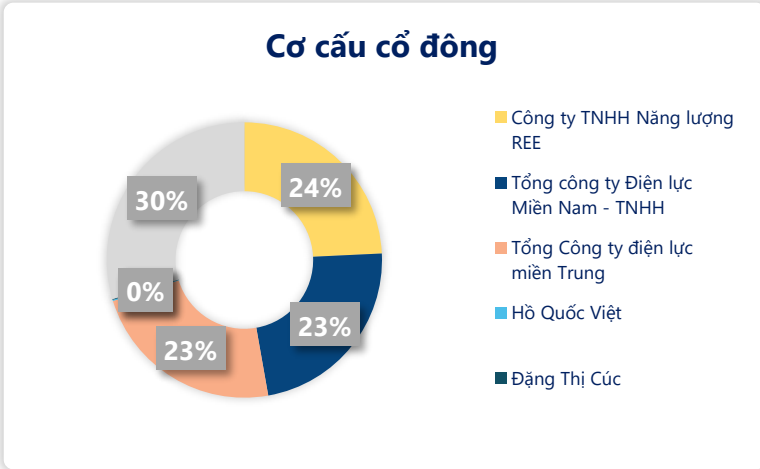
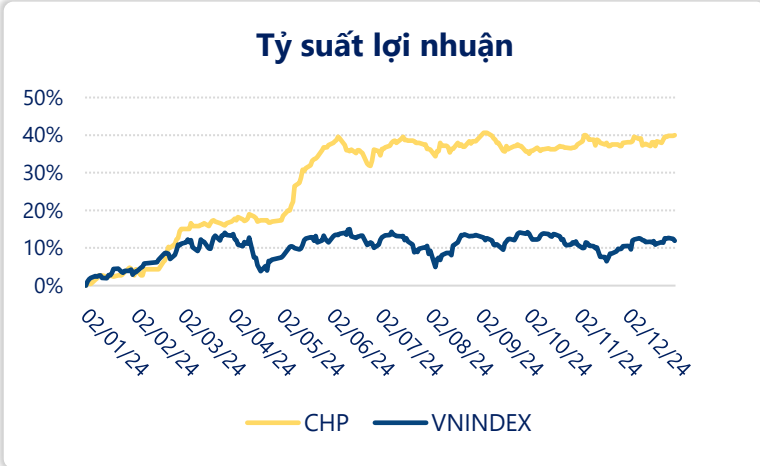
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	33,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.4%	2.4%	2.1%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	8/9
2024	(Mạnh)

DT thuần	2024
814	YoY
tỷ VNĐ	▼ 67.0
	▼ 7.6%

LN sau thuế	2024
314	YoY
tỷ VNĐ	▼ 23.0
	▼ 6.9%

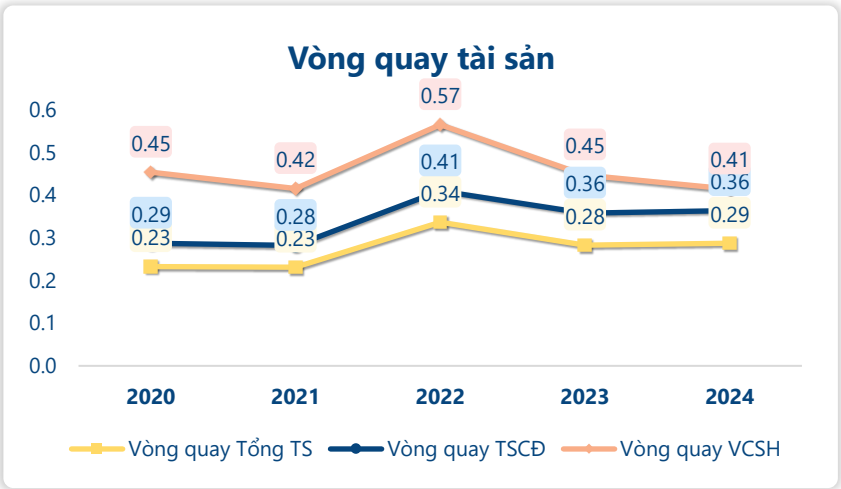
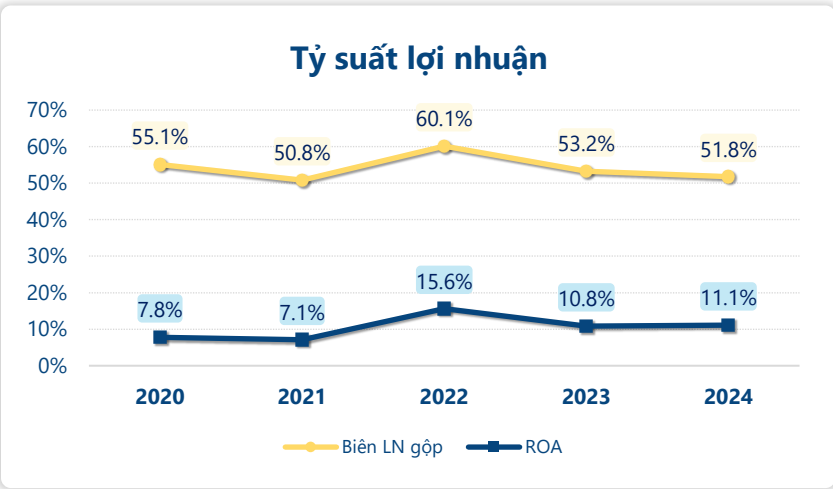
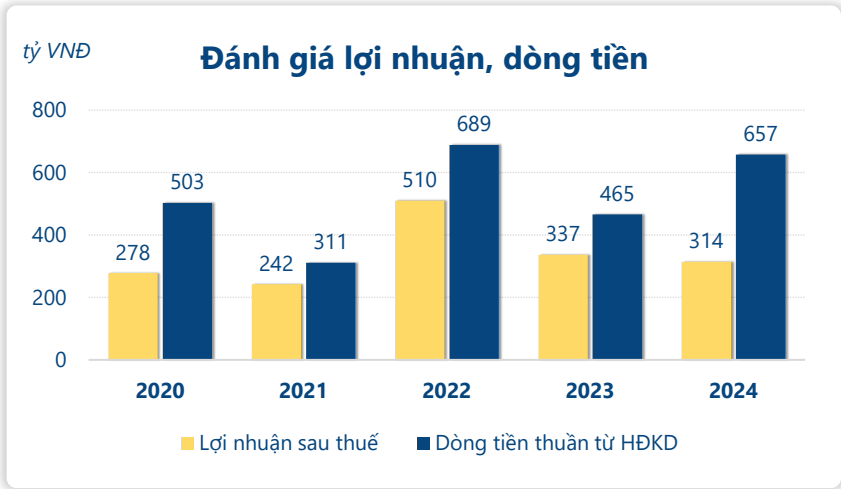


Năm 2024, F-Score của **CHP** đạt **8/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, đạt mức "**Mạnh**".

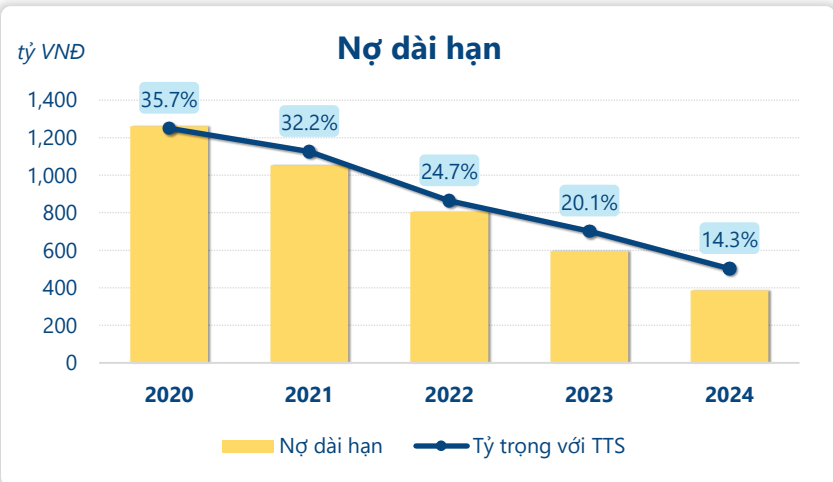
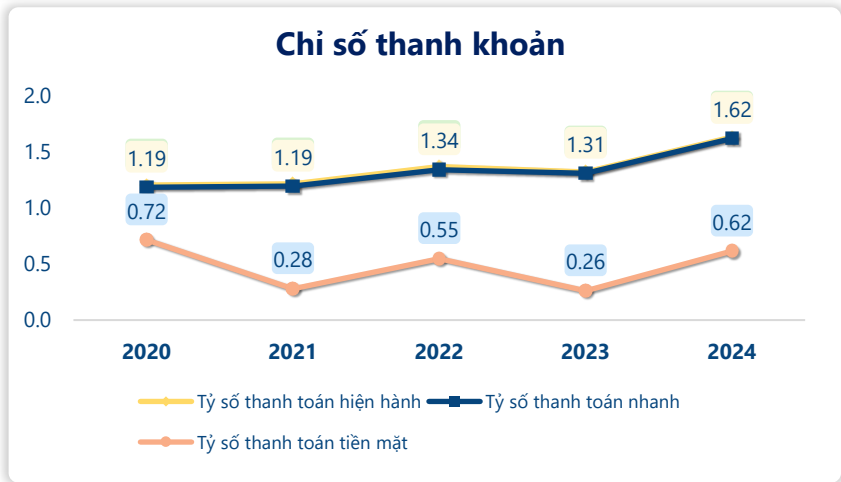
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm **3/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **1/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Thủy điện Miền Trung (HSX: CHP)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CHP**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,696	2,967	-9.1%
Tài sản ngắn hạn	525	573	-8.2%
Tiền và tương đương tiền	198	113	74.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	30.0	-33.3%
Phải thu ngắn hạn	303	424	-28.5%
Hàng tồn kho	4.21	4.98	-15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.67	-46.1%
Tài sản dài hạn	2,171	2,395	-9.4%
Phải thu dài hạn	0.12	0	
Tài sản cố định	2,124	2,348	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.1	0.42	3047%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.13	0	
Tài sản dài hạn khác	33.3	46.1	-27.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	708	1,029	-31.1%
Nợ ngắn hạn	322	433	-25.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	209	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.6	24.9	-5.4%
Nợ dài hạn	387	596	-35.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	387	596	-35.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,988	1,939	2.5%
Vốn chủ sở hữu	1,988	1,939	2.5%
Vốn điều lệ	1,469	1,469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	831	787	1,101	881	814
Giá vốn hàng bán	373	387	439	412	393
Lợi nhuận gộp	458	400	662	469	421
Doanh thu HĐTC	7.63	3.92	7.14	10.9	6.28
Chi phí TC	137	116	97.4	85.7	54.3
Chi phí lãi vay	137	116	97.4	85.7	54.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	37.4	33.7	44.1	39.3	41.3
LN thuần từ HĐKD	291	254	527	355	332
Lợi nhuận khác	-0.02	0.02	8.59	0.30	-0.14
LN trước thuế	291	254	536	355	332
Lợi nhuận sau thuế	278	242	510	337	314
LNST của CĐ cty mẹ	278	242	510	337	314

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	503	311	689	465	657
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-148	-4.51	-16.3	-3.27	2.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-265	-485	-512	-600	-575
Tiền đầu kỳ	179	270	91.0	251	113
Lưu chuyển tiền thuần	90.5	-179	160	-138	84.7
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.01	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	270	91.0	251	113	198